

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 9 THÁNG
VÀ PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ 3 THÁNG CUỐI NĂM 2017

Thực hiện Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh, khóa IX, kỳ họp thứ 3 về dự toán ngân sách nhà nước năm 2017 và phương án phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm 2017, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 3146/QĐ-UBND ngày 09/12/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2017 trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

- **Dự toán thu NSNN trên địa bàn6.700 tỷ đồng.**

+ Thu nội địa 5.950 tỷ đồng.

+ Thu xuất nhập khẩu 750 tỷ đồng.

- **Dự toán chi ngân sách địa phương7.040 tỷ đồng.**

+ Chi cân đối NSDP 6.951,3 tỷ đồng.

+ Chi Chương trình mục tiêu quốc gia 88,7 tỷ đồng.

Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo tình hình thực hiện NSNN 9 tháng và phương hướng nhiệm vụ 3 tháng cuối năm 2017 như sau:

A. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 9 THÁNG NĂM 2017

I. VỀ THU NSNN (Kèm biểu số 01, phụ biểu 1.1, 1.2, 1.3)

Tổng thu NSNN trên địa bàn 5.032,6 tỷ đồng, đạt 75,1% dự toán, giảm 7,8% so với cùng kỳ, trong đó, thu nội địa: 4.477,4 tỷ đồng, đạt 75,3% dự toán, giảm 7,1% so với cùng kỳ. Nếu loại trừ ghi thu, ghi chi tiền cho thuê mặt đất 129,8 tỷ đồng (9 tháng năm 2016 là 670,8 tỷ đồng) thì tổng thu NSNN trên địa bàn là 4.902,7 tỷ đồng, đạt 73,2% dự toán, tăng 2,4% cùng kỳ, bao gồm:

1. Phân theo nguồn thu

- Thu nội địa 4.347,6 tỷ đồng, đạt 73,1% dự toán, tăng 4,8% cùng kỳ.

- Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu 555,1 tỷ đồng, đạt 74,0% dự toán, giảm 13,5% cùng kỳ.

2. Phân theo khối tỉnh, huyện (tính riêng thu nội địa)

- Khối tỉnh: 3.280,6 tỷ đồng, đạt 73,46% dự toán.

- Khối huyện: 1.066,9 tỷ đồng, đạt 71,9% dự toán, trong đó có 03 huyện đạt trên 75% dự toán: Thành phố Tây Ninh đạt 81,0%; Trảng Bàng đạt 76,8%; Bến Cầu đạt 83,4%.

II. VỀ CHI NSDP (Kèm biểu số 02 và phụ biểu 2.1)

Tổng chi ngân sách địa phương: 4.226,9 tỷ đồng, đạt 60,0% dự toán, giảm 9,1% cùng kỳ, trong đó: Chi cân đối ngân sách: 4.189,0 tỷ đồng, đạt 60,3% dự toán, giảm 9,5% cùng kỳ. Nếu loại trừ khoản ghi chi ngân sách từ nguồn thu cho thuê đất 129,8 tỷ đồng (9 tháng năm 2016 là 670,8 tỷ đồng) thì tổng chi NSDP là 4.059,2 tỷ đồng, đạt 58,4% dự toán, tăng 2,5% cùng kỳ, trong đó:

1. Phân theo nhiệm vụ chi

- Chi cân đối NSDP: 4.059,2 tỷ đồng, đạt 58,4% dự toán, tăng 2,5% cùng kỳ, trong đó:

+ Chi đầu tư phát triển: 1.009,5 tỷ đồng, đạt 47% dự toán, giảm 13,4% so cùng kỳ.

+ Chi thường xuyên: 3.049,7 tỷ đồng, đạt 65,4% dự toán, tăng 9,2% cùng kỳ.

- Chi Chương trình mục tiêu quốc gia: 37,9 tỷ đồng, đạt 42,7% dự toán, tăng 90,8% cùng kỳ.

2. Phân theo khối tỉnh, huyện

- Khối tỉnh: 1.552,5 tỷ đồng, đạt 38,6% dự toán;

- Khối huyện: 2.544,6 tỷ đồng, đạt 84,3% dự toán.

III. CÂN ĐỐI THU, CHI NSDP (kèm biểu số 3)

1. Tổng thu NSDP6.029,2 tỷ đồng

- Thu NSDP hưởng 100% và thu điều tiết..... 4.152,6 tỷ đồng.

- Thu bổ sung từ NSTW (Phụ biểu số 1.3)..... 1.032,9 tỷ đồng.

- Thu tạm ứng từ NSTW (Phụ biểu số 1.3) 152,7 tỷ đồng.

- Thu chuyển nguồn năm 2016 sang 691 tỷ đồng.

2. Tổng chi NSDP4.311,2 tỷ đồng.

- Chi cân đối ngân sách địa phương 4.189 tỷ đồng.

- Chi chương trình mục tiêu quốc gia 37,9 tỷ đồng.

- Chi tạm ứng ngân sách 84,3 tỷ đồng.

3. Tồn quỹ NSDP (1-2).....1.718 tỷ đồng.

- Ngân sách tỉnh..... 1.147,7 tỷ đồng.

- Ngân sách huyện, xã 570,3 tỷ đồng.

IV. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 9 THÁNG NĂM 2017

1. Những kết quả đạt được

Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 156/QĐ-UBND ngày 20/01/2017 về những giải pháp, nhiệm vụ chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện kế

hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2017, giao nhiệm vụ cụ thể cho các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thành phố tổ chức thực hiện.

1.1. Về thu ngân sách

Công tác thu ngân sách được sự quan tâm chỉ đạo từ các cấp uỷ Đảng, chính quyền và sự phối hợp chặt chẽ của các sở, ban, ngành tỉnh với các huyện, thành phố; công tác phối hợp, quản lý, khai thác nguồn thu đảm bảo theo dự toán. Có 8/17 khoản thu đạt trên 75% tiến độ so với dự toán, cụ thể như sau:

- Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (*không kể ghi thu tiền cho thuê đất 129,8 tỷ đồng*) đạt 91,7% dự toán, tăng 54,3% cùng kỳ. Nguyên nhân là do các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đã từng bước vượt qua khó khăn, hoạt động sản xuất kinh doanh có lãi; nhiều doanh nghiệp đã hết thời gian hưởng ưu đãi, miễn thuế nên số nộp NSNN cao hơn cùng kỳ.

- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đạt 87,1% dự toán, giảm 9,9% cùng kỳ.

- Thuế thu nhập cá nhân đạt 75,1% dự toán, tăng 19,3% cùng kỳ.

- Thu phí và lệ phí đạt 85,2% dự toán, tăng 31,3% cùng kỳ.

- Thu tiền sử dụng đất đạt 147,5% dự toán, giảm 42,3% cùng kỳ, nguyên nhân chủ yếu do các huyện có phát sinh thu chuyển mục đích sử dụng đất của người dân; đẩy mạnh thu nợ đến hạn; có thu tiền chuyển mục đích sử dụng đất lúa sang đất thổ cư.

- Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đạt 95,0% dự toán, tăng 37,5% cùng kỳ.

- Các khoản thu tại xã đạt 77,1% dự toán, tăng 21,1% cùng kỳ.

- Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết đạt 102,2% dự toán, tăng 11,4% cùng kỳ, nguyên nhân chủ yếu là do có phát sinh số nộp ngân sách phần thu nhập doanh nghiệp còn lại sau thuế của năm 2016 là 401,1 tỷ đồng và nộp theo kết luận của Thanh tra Bộ Tài chính là 155,9 tỷ đồng (*gồm: giảm vốn điều lệ 111,2 tỷ đồng, Quỹ trích lập dự phòng rủi ro trả thưởng 44,7 tỷ đồng*).

1.2. Về chi ngân sách

Tổ chức điều hành chi ngân sách trong phạm vi dự toán được duyệt, thực hiện kiểm soát chi chặt chẽ đảm bảo theo đúng mục đích, tiêu chuẩn, định mức, chế độ nhà nước quy định, trong đó có một số khoản chi đạt khá so với tiến độ dự toán như:

- + Chi sự nghiệp kinh tế đạt 61,4% dự toán, tăng 42,2% cùng kỳ; trong đó, chi sự nghiệp thủy lợi đạt 84,7% dự toán chủ yếu do có phát sinh chi cấp bù kinh phí thực hiện chính sách miễn thủy lợi phí năm 2016 từ nguồn ngân sách Trung ương tạm ứng năm 2016 chuyển sang năm 2017, sự nghiệp giao thông đạt 89,8% dự toán chủ yếu do các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ chủ động và đẩy mạnh tiến độ thực hiện.

+ Chi đảm bảo xã hội đạt 98,7% dự toán, tăng 22,4% cùng kỳ, chủ yếu do có chi kinh phí Tết Nguyên đán Đinh Dậu 2017 tập trung vào tháng đầu năm.

+ Chi quốc phòng-an ninh đạt 84,1% dự toán, tăng 3,6% cùng kỳ, chủ yếu do có thực hiện nhiệm vụ được bổ sung tăng thêm ngoài dự toán đầu năm.

+ Chi khác ngân sách đạt 89,4% dự toán, tăng 0,8% cùng kỳ chủ yếu do có phát sinh chi hoàn trả các khoản thu thuế năm trước không có bố trí trong dự toán.

2. Những khó khăn, hạn chế

2.1. Về thu ngân sách

Mặc dù tổng thu ngân sách nhà nước đạt khá nhưng vẫn còn nhiều khoản thu chưa đạt so tiến độ dự toán, còn 9/17 khoản thu đạt dưới 75% dự toán, cụ thể:

- Thu từ Doanh nghiệp nhà nước đạt 64,2% dự toán, tăng 9,6% cùng kỳ (trong đó: DNNN Trung ương đạt 67,4% dự toán, tăng 14,4% cùng kỳ; DNNN địa phương đạt 55,1% dự toán, giảm 4,2% cùng kỳ).

- Thu từ khu vực ngoài quốc doanh đạt 59,8% dự toán, giảm 4,2% cùng kỳ.

- Lệ phí trước bạ đạt 57,0% dự toán, giảm 4,7% cùng kỳ.

- Thuế sử dụng đất nông nghiệp đạt 69,8% dự toán, giảm 25,1% cùng kỳ.

- Thuế bảo vệ môi trường đạt 51,8% dự toán, giảm 16,6% cùng kỳ.

- Thu tiền thuê đất (*không kể ghi thu, ghi chi*) đạt 74% dự toán, giảm 77,5% cùng kỳ.

- Thu khác ngân sách đạt 61,3% dự toán, tăng 12,5% cùng kỳ.

- Thu cổ tức và lợi nhuận sau thuế đạt 37,5% dự toán.

- Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu đạt 74,0% dự toán, giảm 13,5% cùng kỳ.

Nguyên nhân các khoản thu đạt thấp so với tiến độ dự toán chủ yếu là do một số khó khăn như:

- Kinh tế vẫn còn tiếp tục đối mặt với những khó khăn, thách thức. Giá cả nông sản ở mức thấp, sản xuất chế biến kinh doanh của người dân, doanh nghiệp bị ảnh hưởng; nhiều doanh nghiệp chế biến khoai mì tăng xuất khẩu hoặc ủy thác xuất khẩu; ngoài ra còn do để hưởng ưu đãi thuế suất và chống ô nhiễm môi trường, nhiều doanh nghiệp chế biến mì phải di dời nhà máy ra ngoại thành về các vùng đặc biệt khó khăn dẫn đến nguồn thu từ khu vực kinh tế nhà nước giảm mạnh.

- Một số doanh nghiệp chưa chấp hành nghĩa vụ nộp thuế, nộp tiền thuê đất hoặc cố tình chiếm dụng, ngành thuế đã thông báo và tiến hành cưỡng chế để thu hồi.

- Thu khác ngân sách không đạt dự toán do chủ yếu là các khoản thu không phát sinh ổn định như: Thu từ nguồn tịch thu tài sản vi phạm pháp luật, thu phạt, thu hồi các khoản chi năm trước và các khoản thu khác.

2.2. Về chi ngân sách

Bên cạnh những khoản chi đạt khá so với tiến độ dự toán, vẫn còn một số khoản chi đạt dưới 75% dự toán, cụ thể như sau:

- Chi đầu tư phát triển (*không kể ghi thu, ghi chi*) đạt 47% so dự toán, giảm 13,4% so cùng kỳ, tiến độ giải ngân chậm chủ yếu là do:

- + Công tác chuẩn bị đầu tư thực hiện còn chậm, các dự án lớn đa số vẫn chưa hoàn thành hồ sơ trình cơ quan thẩm quyền phê duyệt.

- + Một số chủ đầu tư chưa thực hiện tốt việc phối hợp với các ngành chức năng để tháo gỡ khó khăn trong tổ chức thực hiện, chưa tích cực trong công tác thanh toán, giải ngân; một số huyện, thành phố chưa chuẩn bị kịp hồ sơ dự án để đăng ký phân khai thực hiện theo các nội dung hỗ trợ và mục tiêu của tỉnh.

- + Công tác huy động các nguồn vốn bổ sung cho đầu tư phát triển đã có nhiều cố gắng, nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu, nhất là vốn xây dựng nông thôn mới.

- + Việc triển khai thực hiện của một số chủ đầu tư, nhất là các thủ tục liên quan đến dự án mới còn rất chậm, đến nay vẫn còn nhiều dự án chưa triển khai thi công.

- + Việc phân khai vốn cho các dự án còn chậm, tính đến thời điểm này còn khoảng 121,7 tỷ đồng vốn chưa được phân khai, cụ thể: nguồn ngân sách tập trung: 105,6 tỷ đồng; nguồn XSKT: 16,1 tỷ đồng.

- Sự nghiệp môi trường đạt 47,4% so dự toán, chủ yếu do công tác lập hồ sơ, thủ tục giải ngân chậm.

- Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo đạt 62,3%; sự nghiệp y tế đạt 58,5%; sự nghiệp phát thanh truyền hình đạt 56,7%; sự nghiệp thể dục thể thao đạt 63,5%; sự nghiệp khoa học và công nghệ đạt 53%; quản lý hành chính đạt 68,1% dự toán, do trong dự toán một số khoản chi này có bố trí nhiệm vụ chi thực hiện chế độ phụ cấp, trợ cấp cho cán bộ công chức, viên chức công tác tại các xã đặc biệt khó khăn theo Nghị định 116/2010/NĐ-CP nhưng đang tạm ngưng chưa thực hiện theo quy định của Trung ương. Riêng sự nghiệp y tế còn do thực hiện chuyển sang cơ chế giá dịch vụ và do công tác quản lý, tổng hợp đối tượng được NSNN đóng và hỗ trợ đóng BHYT chưa kịp thời nên việc chi mua BHYT cho các đối tượng này không đảm bảo tiến độ thực hiện.

- Sự nghiệp nông nghiệp đạt 71,1% dự toán do một số dự án khuyến nông có kinh phí thực hiện khá lớn nhưng chưa vào thời vụ nên chưa thực hiện giải ngân kinh phí để hỗ trợ cho nông dân.

- Sự nghiệp lâm nghiệp đạt 34,5% dự toán chủ yếu do kinh phí bảo vệ, phòng chống cháy rừng phát sinh và thực hiện vào cuối năm.

- Sự nghiệp kiến thiết thị chính đạt 66,8% chủ yếu do quy trình thực hiện hồ sơ giải ngân vào cuối năm.

- Sự nghiệp kinh tế khác đạt 28% chủ yếu do quy trình thực hiện hồ sơ giải ngân vào cuối năm.

- Sự nghiệp văn hóa thông tin đạt 52,2% dự toán, nguyên nhân chủ yếu do chậm lập hồ sơ, thủ tục thực hiện sửa chữa các công trình Núi Bà Đen theo dự toán đã được phân bổ.

- Chi chương trình mục tiêu quốc gia: đạt 42,7% dự toán, nguyên nhân chủ yếu là do việc triển khai phân bổ vốn chậm.

V. CÔNG TÁC TÀI CHÍNH - NGÂN SÁCH

- Báo cáo kết quả phân bổ dự toán ngân sách nhà nước năm 2017; Thực hiện công khai dự toán ngân sách nhà nước năm 2017 và quyết toán ngân sách nhà nước năm 2015 theo quy định; Ban hành Kế hoạch kinh phí phục vụ Tết Nguyên đán Đinh Dậu năm 2017 và bố trí ngân sách đảm bảo thực hiện theo Kế hoạch; Tổ chức điều hành chi NSNN đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm theo Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2017 của Chính phủ và theo Công văn số 4494/BTC-HCSN ngày 04/4/2017 của Bộ Tài chính; Tổ chức thực hiện Nghị định 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập và Nghị định 141/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác.

- Quản lý nhà nước về giá, quản lý tài sản công trên địa bàn tỉnh theo quy định; Thực hiện rà soát, xây dựng bổ sung tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng; rà soát, sắp xếp lại nhà, đất, trụ sở làm việc cho các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh; Tổ chức thực hiện Nghị định số 04/2016/NĐ-CP ngày 06/01/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03/6/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước, Thông tư số 23/2016/TT-BTC ngày 16/02/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại đơn vị sự nghiệp công lập; Ban hành các quyết định về giá dịch vụ đối với một số loại phí chuyển sang giá theo quy định của Luật phí và lệ phí.

- Kiểm tra, giám sát thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trước, trong và sau Tết Nguyên đán Đinh Dậu 2017 theo Chỉ thị số 21-CT/TW ngày 21/12/2012 của Ban Bí thư và Chỉ thị số 08-CT/TU ngày 15/01/2013 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Báo cáo kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2016 trên địa bàn tỉnh.

- Triển khai thực hiện Chương trình số 24-Ctr/TU ngày 28/02/2017 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 18/11/2016 của Bộ Chính trị về chủ trương, giải pháp cơ cấu lại ngân sách nhà nước, quản lý nợ công để bảo đảm nền tài chính quốc gia an toàn, bền vững trên địa bàn tỉnh.

- Triển khai thực hiện Chỉ thị số 04/CT-TTg ngày 02/02/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh công tác sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước giai đoạn 2016-2020; Tổ chức thực hiện quản lý tài chính đối với các doanh nghiệp nhà nước và quản lý vốn nhà nước đầu tư tại Công ty cổ phần trên địa bàn tỉnh theo quy định.

- Triển khai thực hiện công khai ngân sách theo quy định tại Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách và Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

B. PHƯƠNG HƯỚNG, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 3 THÁNG CUỐI NĂM 2017

I. VỀ THU NSNN (Kèm biểu số 01)

Phần đầu hoàn thành nhiệm vụ thu NSNN năm 2017 đạt 100% dự toán (không kể khoản ghi thu, ghi chi tiền thuê đất) thì nhiệm vụ thu NSNN 3 tháng cuối năm 2017 là 1.797,2 tỷ đồng, trong đó:

- Phân theo nguồn thu: Thu nội địa là 1.472,6 tỷ đồng; Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu là 194,9 tỷ đồng.

- Phân theo khối tỉnh, huyện: (Tính riêng thu nội địa)

+ Khối tỉnh thu: 1.055,2 tỷ đồng;

+ Khối huyện thu: 417,3 tỷ đồng.

II. VỀ CHI NSDP (Kèm biểu số 02)

Điều hành chi NSDP đảm bảo các nhiệm vụ chi còn lại của dự toán 3 tháng cuối năm 2017 và các nhiệm vụ chi của năm 2016 chuyển sang năm 2017, hạn chế tối đa việc sử dụng kinh phí trong năm không hết chuyển nguồn sang năm sau. Ước thực hiện chi NSDP năm 2017 đạt 100% dự toán (không kể khoản ghi thu, ghi chi tiền thuê đất) thì nhiệm vụ chi NSDP còn lại 3 tháng cuối năm 2017 là 2.942,9 tỷ đồng, trong đó:

- Chi đầu tư phát triển: 1.137,3 tỷ đồng.

- Chi thường xuyên: 1.613,5 tỷ đồng.

- Chi Chương trình mục tiêu quốc gia: 50,8 tỷ đồng.

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, theo chức năng, nhiệm vụ được giao tổ chức triển khai thực hiện tốt Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 19/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc tập trung chỉ đạo điều hành thực hiện nhiệm vụ tài chính - ngân sách nhà nước năm 2017; Tiếp tục thực hiện tốt những giải pháp, nhiệm vụ chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2017; Thực hiện nghiêm kỷ cương, kỷ luật

trong chỉ đạo điều hành quản lý thu ngân sách theo Thông tư số 326/2016/TT-BTC ngày 23/12/2016 của Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2017, cụ thể như sau:

1. Về thu ngân sách

- Tiếp tục chỉ đạo quyết liệt, liên tục nhiệm vụ thu ngân sách, phấn đấu hoàn thành vượt mức dự toán thu NSNN từ hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 được giao trên địa bàn và tăng tối thiểu 14-16% so với số thực hiện thu năm 2016.

- Tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế, cung cấp thông tin kịp thời các thay đổi về chính sách, thủ tục hành chính trên các phương tiện thông tin đại chúng để người nộp thuế am hiểu, tuân thủ đúng pháp luật giúp cho công tác khai, nộp thuế đúng quy định góp phần tăng thu ngân sách. Khai thác các khoản thu từ đất trên địa bàn theo quy định. Tích cực đôn đốc thu hồi nợ đọng thuế; thu các khoản do Thanh tra, Kiểm toán Nhà nước kiến nghị; thu tiền thuê đất kịp thời vào ngân sách theo quy định.

- Triển khai quyết liệt các giải pháp quản lý thu, chống thất thu, chống buôn lậu, gian lận thương mại và trốn thuế; tập trung xử lý nợ đọng thuế, phấn đấu số nợ thuế đến ngày 31/12/2017 không quá 5% so với số thực thu NSNN năm 2017.

2. Về chi ngân sách

- Thực hiện Công văn số 11654/BTC-NSNN ngày 31/8/2017 của Bộ Tài chính về việc đẩy mạnh thực hiện các giải pháp điều hành thực hiện nhiệm vụ tài chính - NSDP những tháng cuối năm 2017.

- Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 27/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường, đẩy mạnh công tác quyết toán vốn đầu tư các dự án hoàn thành sử dụng vốn Nhà nước; Tổ chức thực hiện Nghị quyết số 70/NQ-CP ngày 03/8/2017 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công; Quản lý chặt chẽ việc sử dụng vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước và trái phiếu Chính phủ theo đúng quy định và bảo đảm tiết kiệm hiệu quả.

- Rà soát, sắp xếp các nhiệm vụ chi; cắt giảm tối đa các khoản chi chưa thực sự cần thiết, cấp bách theo đúng quy định của Nghị quyết số 01/NQ-CP của Chính phủ. Kiên quyết từ chối không thanh toán, thu hồi để bổ sung dự phòng ngân sách địa phương đối với kinh phí thường xuyên đã giao trong dự toán đầu năm của các sở, ngành tỉnh và các huyện, thành phố nhưng đến ngày 30/6/2017 chưa phân bổ, hoặc đã phân bổ nhưng chưa triển khai thực hiện, chưa phê duyệt dự toán, chưa tổ chức đấu thầu, trừ các khoản được phép thực hiện theo quy định của pháp luật và trường hợp được Thủ tướng Chính phủ cho phép thực hiện theo Công văn số 4494/BTC-HCSN ngày 04/4/2017 của Bộ Tài chính; Tổ chức giải ngân các nhiệm vụ chi đã được giao đúng quy định, đảm bảo hoàn thành theo dự toán đầu năm.

- Cân đối nguồn thực hiện điều chỉnh mức lương theo Nghị định số 47/2017/NĐ-CP ngày 24/4/2017 của Chính phủ. Đối với các huyện, thành phố, ngân sách khó khăn, sau khi thực hiện cơ chế tạo nguồn tiền lương theo quy định mà vẫn thiếu nguồn thì báo cáo cấp trên theo quy định.

- Quản lý chuyển nguồn chi thường xuyên theo quy định, chỉ cho phép chuyển nguồn chi thường xuyên đối với một số khoản chi còn nhiệm vụ và thật sự cần thiết theo đúng quy định của pháp luật.

- Đảm bảo kinh phí thực hiện các chính sách an sinh xã hội, các nhiệm vụ đột xuất mang tính cấp thiết.

3. Về công tác tài chính - ngân sách

- Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 24/CT-TTg ngày 02/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ về các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thúc đẩy tăng trưởng các ngành, lĩnh vực nhằm thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế năm 2017.

- Tiếp tục thực hiện công tác cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực tài chính - ngân sách; Thực hiện Nghị định 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập và Nghị định 141/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác.

- Tiếp tục thực hiện Chương trình số 24-Ctr/TU ngày 28/02/2017 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 18/11/2016 của Bộ Chính trị về chủ trương, giải pháp cơ cấu lại ngân sách nhà nước, quản lý nợ công để bảo đảm nền tài chính quốc gia an toàn, bền vững trên địa bàn tỉnh.

- Theo dõi diễn biến giá cả trên địa bàn để kịp thời điều tiết, bình ổn giá. Thực hiện quản lý tài sản công theo quy định của Luật quản lý, sử dụng tài sản nhà nước. Tiếp tục ban hành các quyết định về giá dịch vụ đối với một số loại phí chuyển sang giá theo quy định của Luật phí và lệ phí.

- Tổ chức thực hiện nghiêm về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí theo Quyết định số 2544/QĐ-TTg ngày 30/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành chương trình tổng thể của Chính phủ về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2016-2020 và Quyết định số 398/QĐ-TTg ngày 31/3/2017 của Chính phủ về việc ban hành chương trình tổng thể của Chính phủ về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2017.

- Tiếp tục chỉ đạo thực hiện các kiến nghị của cơ quan Kiểm toán nhà nước và Thanh tra và báo cáo kết quả thực hiện kiến nghị theo quy định.

- Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2016.

- Báo cáo đánh giá thực hiện NSNN năm 2017, dự toán NSNN năm 2018 và kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2018-2020.

- Báo cáo phân bổ dự toán ngân sách địa phương năm 2018.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện NSNN 9 tháng và phương hướng nhiệm vụ 3 tháng cuối năm 2017./.

Nơi nhận:

- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài chính; Sở KHĐT;
- Cục Thuế; Cục Hải quan;
- LĐVP; KT1; TH, KT2;
- Lưu: VT. VP UBND tỉnh.

40

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH



Dương Văn Thắng

BÁO CÁO

THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 9 THÁNG NĂM 2017

(Kèm theo Báo cáo số 36/BC-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2017 của UBND tỉnh Tây Ninh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

S TT	Nội dung	Dự toán năm 2017	Thu 8 tháng	Thu 9 tháng	Thu còn lại 3 tháng cuối năm	So sánh tỷ lệ (%)	
						TH/DT	TH/CK
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6
	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN (I+II)	6.700.000	4.574.527	5.032.557	1.667.443	75,1%	92,2%
	<i>(Tổng thu NSNN Loại trừ ghi thu, ghi chi tiền thuê đất)</i>	<i>6.700.000</i>	<i>4.444.740</i>	<i>4.902.770</i>	<i>1.797.230</i>	<i>73,2%</i>	<i>102,4%</i>
I	Thu nội địa	5.950.000	4.072.824	4.477.428	1.472.572	75,3%	92,9%
	<i>(Thu nội địa Loại trừ ghi thu, ghi chi tiền thuê đất)</i>	<i>5.950.000</i>	<i>3.943.037</i>	<i>4.347.641</i>	<i>1.602.359</i>	<i>73,1%</i>	<i>104,8%</i>
1	Thu từ Doanh nghiệp nhà nước	637.000	385.645	409.033	227.967	64,2%	109,6%
1.1	Thu từ DNNN trung ương	470.000	298.712	317.013	152.987	67,4%	114,4%
1.2	Thu từ DNNN địa phương	167.000	86.933	92.020	74.980	55,1%	95,8%
2	Thu từ DN có vốn ĐTNN	327.000	277.155	299.971	27.029	91,7%	154,3%
	<i>Trong đó: Ghi thu, ghi chi tiền thuê đất.</i>		<i>42.397</i>	<i>42.397</i>			
3	Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	1.336.000	704.656	799.083	536.917	59,8%	95,8%
4	Lệ phí trước bạ	258.000	131.943	147.062	110.938	57,0%	95,3%
5	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	5.000	3.250	3.488	1.512	69,8%	74,9%
6	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	7.000	5.159	6.096	904	87,1%	90,1%
7	Thuế thu nhập cá nhân	520.000	352.380	390.264	129.736	75,1%	119,3%
8	Thuế bảo vệ môi trường	605.000	276.697	313.692	291.308	51,8%	83,4%
9	Thu phí, lệ phí	357.100	272.405	304.323		85,2%	131,3%
10	Thu tiền sử dụng đất	100.000	130.758	147.469		147,5%	57,7%
11	Thu tiền thuê đất	223.000	155.947	165.129	57.871	74,0%	22,5%
	<i>Trong đó: Ghi thu, ghi chi tiền thuê đất</i>		<i>87.390</i>	<i>87.390</i>			<i>13,0%</i>
12	Thu tiền cấp quyền KTKS	36.000	31.850	34.213	1.787	95,0%	137,5%
13	Thu khác ngân sách	244.900	117.336	150.237	94.663	61,3%	112,5%
14	Các khoản thu tại xã	19.000	13.430	14.656	4.344	77,1%	121,1%
15	Thu cổ tức và lợi nhuận sau thuế	15.000	5.621	5.621	9.379	37,5%	
16	Thu từ hoạt động sở xố kiến thiết	1.260.000	1.208.591	1.287.091		102,2%	111,4%
II	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	750.000	501.703	555.129	194.871	74,0%	86,5%

BÁO CÁO THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 9 THÁNG NĂM 2017**TỈNH - HUYỆN, THÀNH PHỐ**

(Kèm theo Báo cáo số 355 /BC-UBND ngày 31 tháng 1 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

S TT	Nội dung	Dự toán năm 2017			Thực hiện 9 tháng năm 2017			Nhiệm vụ còn lại 3 tháng cuối năm 2017			So sánh thực hiện 9 tháng năm với					
		Toàn tỉnh	Tỉnh	Huyện	Toàn tỉnh	Tỉnh	Huyện	Toàn tỉnh	Tỉnh	Huyện	Dự toán			Cùng kỳ		
											Toàn tỉnh	Tỉnh	Huyện	Toàn tỉnh	Tỉnh	Huyện
A	B	1=2+3	2	3	4=5+6	5	6	7=1+4	8=2+5	9=3+6	10=4/1	11=5/2	12=6/3	13	14	15
	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN (I+II)	6.700.000	5.215.700	1.484.300	5.032.557	3.965.604	1.066.953	1.667.443	1.250.096	417.347	75,11%	76,03%	71,88%	92,16%	88,69%	107,80%
	(Tổng thu NSNN Loại trừ ghi thu, ghi chi tiền thuê đất)	6.700.000	5.215.700	1.484.300	4.902.770	3.835.817	1.066.953	1.797.230	1.379.883	417.347	73,18%	73,54%	71,88%	102,35%	100,93%	107,80%
I	Thu nội địa	5.950.000	4.465.700	1.484.300	4.477.428	3.410.475	1.066.953	1.472.572	1.055.225	417.347	75,25%	76,37%	71,88%	92,92%	89,07%	107,80%
	Thu nội địa (Loại trừ ghi thu, ghi chi tiền thuê đất)	5.950.000	4.465.700	1.484.300	4.347.641	3.280.688	1.066.953	1.602.359	1.185.012	417.347	73,07%	73,46%	71,88%	104,81%	103,87%	107,80%
1	Thu từ Doanh nghiệp nhà nước	637.000	637.000	0	409.033		0	227.967	637.000	0	64,21%	0,00%		109,58%	0,00%	
1.1	Thu từ DNNN trung ương	470.000	470.000		317.013	317.013	0	152.987	152.987	0	67,45%	67,45%		114,35%	114,35%	
1.2	Thu từ DNNN địa phương	167.000	167.000		92.020	92.020	0	74.980	74.980	0	55,10%	55,10%		95,80%	95,80%	
2	Thu từ DN có vốn ĐTNN	327.000	327.000		299.971	299.971	0	27.029	27.029	0	91,73%	91,73%		154,27%	154,27%	
	Trong đó: Ghi thu, ghi chi tiền thuê đất.				42.397	42.397	0			0						
3	Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	1.336.000	543.890	792.110	799.083	338.217	460.866	536.917		331.244	59,81%	62,18%	58,18%	95,76%	108,20%	88,31%
4	Lệ phí trước bạ	258.000		258.000	147.062	0	147.062	110.938	0	110.938	57,00%		57,00%	95,33%		95,33%
5	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	5.000		5.000	3.488	0	3.488	1.512	0	1.512	69,76%		69,76%	74,86%		74,86%
6	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	7.000		7.000	6.096	0	6.096	904	0	904	87,09%		87,09%	90,08%		90,08%
7	Thuế thu nhập cá nhân	520.000	352.700	167.300	390.264	266.826	123.438	129.736		43.862	75,05%	75,65%	73,78%	119,33%	119,99%	117,92%
8	Thuế bảo vệ môi trường	605.000	605.000		313.692	313.692	0	291.308	291.308	0	51,85%	51,85%		83,43%	83,43%	
9	Thu phí, lệ phí	357.100	326.210	30.890	304.323	239.726	64.597		86.484		85,22%	73,49%	#####	131,31%	111,16%	401,38%
10	Thu tiền sử dụng đất	100.000		100.000	147.469	0	147.469		0		147,47%		#####	57,74%	0,00%	161,11%
11	Thu tiền thuê đất	223.000	217.000	6.000	165.129	158.529	6.600	57.871	58.471		74,05%	73,05%	#####	22,48%	21,78%	95,78%
	Trong đó: Ghi thu, ghi chi tiền thuê đất				87.390	87.390	0			0				13,03%	13,03%	
12	Thu tiền cấp quyền KTKS	36.000	36.000		34.213	34.213	0	1.787	1.787	0	95,04%	95,04%		137,47%	137,47%	
13	Thu khác ngân sách	244.900	145.900	99.000	150.237	57.556	92.681	94.663	88.344	6.319	61,35%	39,45%	93,62%	112,45%	91,79%	130,73%
14	Các khoản thu tại xã	19.000		19.000	14.656	0	14.656	4.344	0	4.344	77,14%		77,14%	121,14%		121,14%
15	Thu cổ tức và lợi nhuận sau thuế	15.000	15.000		5.621	5.621	0	9.379	9.379	0	37,47%	37,47%				
16	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	1.260.000	1.260.000		1.287.091	1.287.091	0			0	102,15%	#####		111,39%	111,39%	
II	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	750.000	750.000		555.129	555.129	0	194.871	194.871	0	74,02%	74,02%		86,47%	86,47%	

BÁO CÁO THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 9 THÁNG NĂM 2017**KHÔI HUYỆN, THÀNH PHỐ**

(Kèm theo Báo cáo số 335 /BC-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2017 của UBND tỉnh Tây Ninh)

Đvt: triệu đồng

S TT	Huyện, thành phố	Dự toán	Thu 8 tháng	Thu tháng 9	Thu 9 tháng	So sánh thu 9 tháng với:	
						Dự toán	Cùng kỳ
1	2	3	4	5	6=4+5	7=6/3	8
	TỔNG CỘNG	1.484.300	945.305	121.648	1.066.953	71,88%	107,80%
1	Thành phố	370.800	265.712	34.641	300.353	81,00%	121,64%
2	Hòa Thành	216.000	127.287	16.023	143.309	66,35%	109,86%
3	Châu Thành	93.500	61.541	6.768	68.309	73,06%	99,07%
4	Dương Minh Châu	135.950	62.744	6.677	69.422	51,06%	73,82%
5	Trảng Bàng	159.100	111.539	10.724	122.262	76,85%	124,17%
6	Gò Dầu	145.100	90.157	12.044	102.201	70,43%	89,10%
7	Bến Cầu	61.750	41.246	10.256	51.502	83,40%	108,54%
8	Tân Biên	121.600	66.435	10.511	76.945	63,28%	102,88%
9	Tân Châu	180.500	118.646	14.004	132.650	73,49%	116,40%

BAO CAO THU BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG 9 THÁNG NĂM 2017

(Kèm theo Báo cáo số 335 /BC-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2017 của UBND tỉnh Tây Ninh)

ĐVT: Triệu đồng

S TT	Nội dung	Dự toán	Thu trong tháng	Lũy kế
	TỔNG SỐ THU BỔ SUNG TỪ NSTW (A+B+C)	1.546.345	225.880	1.032.936
A	Bổ sung cân đối	1.329.731	220.000	990.000
B	Bổ sung có mục tiêu	216.614	0	0
I	Vốn đầu tư phát triển	122.769	0	0
1	Vốn ngoài nước	80.539		0
2	Vốn trong nước	42.230		0
II	Bổ sung thực hiện các chế độ chính sách và một số nhiệm vụ theo quy định	5.195		0
1	Kinh phí phân giới cắm mốc biên giới đất liền Việt Nam - Campuchia	5.115		0
2	Chính sách trợ giúp pháp lý	80		0
III	Bổ sung thực hiện Chương trình MTQG	88.650	0	0
1	Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững	29.350		0
2	Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới	59.300		0
C	Bổ sung thêm trong năm		5.880	42.936
1	Kinh phí thực hiện dự án hoàn thiện, hiện đại hóa hồ sơ, bản đồ, địa giới hành chính và xây dựng cơ sở dữ liệu về địa giới hành chính năm 2016, 2017			1.400
2	Kinh phí thực hiện đề án trợ giúp người dân di cư tự do từ Campuchia về Việt Nam			5.095
3	Kinh phí hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách xã hội năm 2017			2.700
4	Kinh phí chi thưởng cho bà mẹ được tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước "Bà mẹ Việt Nam anh hùng"			1.650
5	Kinh phí thực hiện tinh giản biên chế năm 2015, 2016, 2017			14.020
6	Kinh phí mua vắc xin lở mồm long móng trong năm 2016			563
7	Kinh phí hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ em 3-5 tuổi			4.984
8	Kinh phí chống dịch bệnh khám lá sắn (mì)		5.880	
9	Kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2016, 2017			6.644
D	Thu tạm ứng từ NSTW	0	0	152.726
I	Năm trước chuyển sang	0		69.351
1	KP xây dựng trung tâm truyền hình (năm trước chuyển sang)			10.000
2	KP vốn đầu tư theo quyết định 939/QĐ-TTg ngày 1/7/2009 (10926/BTC-ĐT ngày 31/7/2009) làm đường 786 (năm trước chuyển sang)			3.025
3	KP sắp xếp 3 khu dân cư bắc TN (năm trước chuyển sang)			20.000
4	KP công nghệ thông tin (năm trước chuyển sang)			1.100
5	Kinh phí thủy lợi phí năm 2016			9.376
6	Kinh phí mua thẻ BHYT cho các đối tượng của tỉnh từ năm 2016			25.850
II	Trong năm		0	83.375
1	Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương năm 2016			65.159
2	Kinh phí thực hiện CTMT Y tế, Dân số			1.063
3	KP thực hiện chính sách bảo vệ, phát triển đất trồng lúa năm 2016			17.153

BÁO CÁO CHI NSDP 9 THÁNG NĂM 2017

(Kèm theo Báo cáo số 335 /BC-UBND ngày 11/10/2017 của UBND tỉnh Tây Ninh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

S T T	Nội dung	Dự toán	Chi 8 tháng	Chi 9 tháng	Chi 3 tháng còn lại	So sánh 9 tháng (%) so với:	
						Dự toán	Cùng kỳ
A	B	1	2	3	4	4=3/1	5
	TỔNG CHI NSDP (A+B)	7.040.000	3.659.619	4.226.868	2.813.132	60,0%	90,9%
	<i>(Tổng chi NSDP đã loại trừ các khoản ghi thu - ghi chi tiền thuê đất)</i>	<i>7.040.000</i>	<i>3.529.833</i>	<i>4.097.082</i>	<i>2.942.918</i>	<i>58,2%</i>	<i>103,0%</i>
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	6.951.350	3.634.675	4.189.009	2.762.341	60,3%	90,5%
	<i>(Chi cân đối loại trừ các khoản ghi thu - ghi chi tiền thuê đất)</i>	<i>6.951.350</i>	<i>3.504.888</i>	<i>4.059.222</i>	<i>2.892.128</i>	<i>58,4%</i>	<i>102,5%</i>
I	Chi đầu tư phát triển	2.146.849	921.681	1.139.341	1.007.508	53,1%	62,1%
	<i>(Chi đầu tư phát triển loại trừ các khoản ghi thu - ghi chi tiền thuê đất)</i>	<i>2.146.849</i>	<i>791.894</i>	<i>1.009.554</i>	<i>1.137.295</i>	<i>47,0%</i>	<i>86,6%</i>
1	Chi đầu tư XDCB	2.097.649	887.254	1.104.914	992.735	52,7%	60,6%
	<i>(Chi đầu tư XDCB loại trừ các khoản ghi thu - ghi chi tiền thuê đất)</i>	<i>2.097.649</i>	<i>757.467</i>	<i>975.127</i>	<i>1.122.522</i>	<i>46,5%</i>	<i>84,7%</i>
2	Chi đầu tư tạo lập quỹ Phát triển đất	30.000	25.332	25.332	4.668	84,4%	
3	Chi ủy thác vốn vay cho Ngân hàng chính sách xã hội		200	200			
4	Chi trả nợ gốc vốn vay đầu tư CSHT	19.200	8.895	8.895	10.305	46,3%	
II	Chi thường xuyên	4.663.151	2.712.994	3.049.668	1.613.483	65,4%	109,2%
1	Chi sự nghiệp Kinh tế	597.900	335.825	367.269	230.631	61,4%	142,2%
a	Sự nghiệp nông nghiệp	68.600	42.249	48.799	19.801	71,1%	113,7%
b	Sự nghiệp lâm nghiệp	34.450	10.846	11.883	22.567	34,5%	85,1%
c	Sự nghiệp thủy lợi	81.790	68.382	69.241		84,7%	88,1%
d	Sự nghiệp Giao thông	148.980	124.699	133.801	15.179	89,8%	236,4%
e	Sự nghiệp Kiến thiết thị chính	76.250	44.510	50.907	25.343	66,8%	131,1%
f	Sự nghiệp Kinh tế khác	187.830	45.139	52.638	135.192	28,0%	191,8%
2	Sự nghiệp môi trường	90.750	36.738	43.001	47.749	47,4%	123,7%
3	Chi SN Giáo dục - đào tạo và dạy nghề	1.953.867	1.065.472	1.216.387	737.480	62,3%	105,5%
a	Sự nghiệp Giáo dục	1.807.857	1.002.880	1.141.947	665.910	63,2%	106,2%
b	Sự nghiệp Đào tạo và dạy nghề	146.010	62.592	74.441	71.569	51,0%	96,8%
4	Chi sự nghiệp Y tế	481.200	256.169	281.266	199.934	58,5%	110,2%
5	Chi sự nghiệp Văn hóa thông tin	76.360	35.438	39.838	36.522	52,2%	115,2%
6	Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình	28.550	14.942	16.190	12.360	56,7%	130,8%
7	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	30.530	16.771	19.379	11.151	63,5%	121,2%
8	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	23.200	7.837	12.296	10.904	53,0%	83,7%
9	Chi đảm bảo xã hội	210.610	188.909	207.771	2.839	98,7%	122,4%
10	Chi quản lý hành chính	872.085	525.006	594.318	277.767	68,1%	98,9%
a	Quản lý nhà nước	596.524	314.496	360.166	236.358	60,4%	95,6%
b	Đảng	161.890	119.734	132.096	29.794	81,6%	105,8%

S T T	Nội dung	Dự toán	Chi 8 tháng	Chi 9 tháng	Chi 3 tháng còn lại	So sánh 9 tháng (%) so với:	
						Dự toán	Cùng kỳ
A	B	1	2	3	4	4=3/1	5
c	Đoàn thể	78.196	74.001	83.287		106,5%	102,1%
d	Hội quần chúng	35.475	16.775	18.768	16.707	52,9%	106,7%
11	Chi An ninh quốc phòng	270.320	207.850	227.365	42.955	84,1%	103,6%
a	An ninh	94.010	70.535	78.181	15.829	83,2%	104,2%
b	Quốc phòng	176.310	137.315	149.184	27.126	84,6%	103,4%
12	Chi khác ngân sách	27.779	22.037	24.589	3.190	88,5%	99,8%
III	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000			1.000		
IV	Dự phòng	140.350					
V	Nguồn cải cách tiền lương						
B	CHI CT MTQG	88.650	24.945	37.859	50.791	42,7%	190,8%
1	CTMTQG Giảm nghèo bền vững	29.350	3.560	9.743	19.607	33,2%	105,8%
2	CTMTQG Xây dựng nông thôn mới	59.300	21.384	28.117	31.183	47,4%	436,9%

CÂN ĐỐI THU, CHI NSDP 9 THÁNG NĂM 2017

(Kèm theo Báo cáo số 335 /BC-UBND ngày 31/10/2017 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	NSDP	Cấp tỉnh	Huyện, xã	Ghi chú
I	<u>Tổng thu</u>	<u>6.029.200</u>	<u>4.587.991</u>	<u>3.154.343</u>	
1	Thu NSDP hưởng 100% và thu điều tiết	4.152.563	2.979.835	1.172.728	
2	Thu bổ sung từ NS cấp trên	1.032.936	1.032.936	1.713.134	
	<i>Bổ sung cân đối</i>	990.000	990.000	1.015.748	
	<i>Bổ sung có mục tiêu</i>	42.936	42.936	697.386	
3	Thu tạm ứng từ ngân sách cấp trên	152.726	152.726		
4	Thu chuyển nguồn năm 2016 sang	690.975	422.494	268.481	
II	<u>Tổng chi</u>	<u>4.311.220</u>	<u>3.440.260</u>	<u>2.584.094</u>	
1	Chi cân đối Ngân sách địa phương	4.189.010	1.681.656	2.507.354	
2	Chi chương trình mục tiêu quốc gia	37.859	580	37.279	
3	Chi bổ sung ngân sách cấp dưới		1.713.134		
	<i>Bổ sung cân đối</i>		1.015.748		
	<i>Bổ sung có mục tiêu</i>		697.386		
4	Chi tạm ứng	84.351	44.890	39.461	
III	<u>Tồn quỹ (I-II)</u>	<u>1.717.980</u>	<u>1.147.731</u>	<u>570.249</u>	